QUỸ ETF MAFM VN30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 88 /2021/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2021
Hanoi, day 22 month 02 year 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI | **ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 19/02/2021
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF */Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component:*

STT *Order*	Mã chứng khoán *Securities symbol*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weighting*
I.	**Chứng khoán/ *Stock***		
1	BID	200	0.6%
2	BVH	100	0.4%
3	CTG	800	2.1%
4	FPT	900	5.0%
5	GAS	100	0.6%
6	HDB	1,600	2.9%
7	HPG	2,600	8.2%
8	KDH	500	1.2%
9	MBB	2,400	4.5%
10	MSN	600	4.1%
11	MWG	400	4.0%
12	NVL	500	2.9%
13	PDR	200	0.9%
14	PLX	200	0.8%
15	PNJ	300	1.9%
16	POW	600	0.6%
17	REE	200	0.9%
18	SBT	300	0.5%
19	SSI	500	1.2%
20	STB	2,400	3.2%
21	TCB	3,300	9.2%
22	TCH	300	0.5%
23	TPB	900	1.8%
24	VCB	600	4.4%
25	VHM	700	5.2%
26	VIC	1,000	7.9%
27	VJC	400	3.8%
28	VNM	1,200	9.4%
29	VPB	2,600	7.7%
30	VRE	700	1.7%
II.	**Tiền / Cash (VND)**	28,767,942	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value:*
  + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* 1,369,905,000 VND
  + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* 1,398,672,942 VND
  + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value:* 28,767,942 VND
  + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread:*
    · Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order:* Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order:* Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT *No*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) *Substitution cash per securities (VND)*	Đối tượng áp dụng *Applied to*	Lý do *Reason*
1	BID	43,400	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 210/2012/TT-BTC / *Restriction of ownership by Circular 210/2012/TTBTC*
2	BVH	61,900	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 210/2012/TT-BTC / *Restriction of ownership by Circular 210/2012/TTBTC*
3	FPT	78,200	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
4	MBB	26,200	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
5	MWG	139,500	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
6	PNJ	87,500	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
7	REE	59,600	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
8	TCB	38,900	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
9	TPB	27,850	Nhà đầu tư nước ngoài/*Foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
  State if component securities shall have corporate action:

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations*:

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 19/02/2021	Kỳ trước/Last period (**) 18/02/2021	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Issued shares*	28,300,000	28,300,000	
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ *Closing price*	14,080	13,830	250
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net Asset Value at Valuation Date*			
- của quỹ ETF/ *of the Fund*	395,824,442,724	327,931,263,336	67,893,179,388
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,398,672,942	1,383,676,217	14,996,725
- của 1 CCQ/ *per share*	13,986.73	13,836.76	149.97
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	1,180.59	1,187.94	(7.35)

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 18/02/2021
(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 17/02/2021

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Huh Hong Suk